

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI NĂM 2025

Kính gửi: Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Đại học Bách khoa Hà Nội (ĐHBK Hà Nội) báo cáo thường niên năm 2025 với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên tiếng Việt: Đại học Bách khoa Hà Nội
- Tên tiếng Anh: Hanoi University of Science and Technology

2. Địa chỉ trụ sở chính và cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 Đại Cồ Việt, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội
- Cổng thông tin điện tử: <https://hust.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ trực thuộc Bộ GDĐT.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Chiến lược phát triển ĐHBK Hà Nội giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2045 đã được Hội đồng đại học nhiệm kỳ 2020-2025 ban hành theo Nghị quyết số 24/NQ-ĐHBK.

Sứ mạng: Phát triển con người, đào tạo nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, sáng tạo công nghệ và chuyển giao tri thức, phục vụ tốt nhất xã hội và đất nước.

Tầm nhìn đến năm 2045: ĐHBK Hà Nội trở thành đại học đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp xuất sắc, có danh tiếng trong khu vực và thế giới về đào tạo tài năng, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; giữ vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển hệ thống giáo dục đại học Việt Nam; kiến tạo động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước; thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu châu Á trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

Mục tiêu chung: Đến năm 2035, ĐHBK Hà Nội trở thành trung tâm đào tạo tài năng, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo xuất sắc, đứng đầu trong nước về khoa học, kỹ thuật và công nghệ; là hạt nhân mạng lưới cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong thu hút đầu tư và phát triển công nghệ cao, tạo động lực quan trọng cho phát triển Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng và đất nước; thuộc nhóm 100-150 đại học hàng đầu châu Á theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín.

Mục tiêu cụ thể:

(1) ĐHBK Hà Nội trở thành tổ hợp trung tâm đào tạo xuất sắc trong phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược, gắn với thu hút, phát triển nhân tài, đào tạo sau đại học và chuyển giao công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh, hội nhập quốc tế của đất nước;

(2) ĐHBK Hà Nội trở thành trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức và công nghệ xuất sắc, đứng đầu cả nước về kỹ thuật và công nghệ; trở thành trung tâm mạng lưới đổi mới sáng tạo của Thủ đô, của vùng Đồng bằng sông Hồng, của các vùng kinh tế và của đất nước;

(3) ĐHBK Hà Nội có vị thế và uy tín quốc tế cao, là điểm đến quan trọng kết nối đầu tư nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và thu hút các nguồn lực cho phát triển; tiên phong trong hội nhập quốc tế thông qua đào tạo đạt chuẩn quốc tế, nghiên cứu khoa học có tầm ảnh hưởng, giải quyết thách thức toàn cầu; trở thành trung tâm tri thức khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển khoa học, công nghệ khu vực và thế giới; thuộc nhóm 100-150 đại học hàng đầu châu Á, phần đầu thuộc nhóm 300 đại học hàng đầu thế giới;

(4) ĐHBK Hà Nội trở thành đại học đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, có hệ thống tài chính ổn định và bền vững, có hệ thống quản trị hiện đại dựa trên nền tảng số, mô hình bộ máy tổ chức tinh, gọn, hiệu quả, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, tiên phong trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam;

(5) ĐHBK Hà Nội có hạ tầng khuôn viên và cơ sở vật chất hiện đại, vận hành theo nguyên tắc chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thông minh; có hệ thống phòng thí nghiệm đạt chuẩn mực quốc tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

(1) Giai đoạn thành lập và xây dựng nền móng (1956–1965): Trường ĐHBK Hà Nội được thành lập ngày 6/3/1956 theo Nghị định số 147/NĐ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyên ký, là trường đại học kỹ thuật đầu tiên của Việt Nam. Thiếu tướng, GS.KS. Trần Đại Nghĩa giữ chức Hiệu trưởng đầu tiên. Ngày 15/10/1956, khóa 1 chính thức khai giảng với 850 sinh viên thuộc 14 ngành đào tạo. Trường vinh dự ba lần đón Bác Hồ về thăm (1958, 1960, 1962), khẳng định vai trò quan trọng trong sự nghiệp giáo dục kỹ thuật quốc gia.

(2) Giai đoạn chiến tranh và sơ tán (1965–1975): Trước tình hình chiến tranh, năm 1965 toàn bộ trường sơ tán lên Lạng Sơn (khu C), đổi tên thành Trường Văn hóa Hà Huy Tập. Giai đoạn này, hàng ngàn cán bộ, sinh viên lên đường nhập ngũ theo phong trào “Ba sẵn sàng”. Nhiều nghiên cứu mang tính ứng dụng cao phục vụ chiến đấu được triển khai, tiêu biểu là đề tài rà phá bom từ trường. Trường thực hiện sơ tán lần 2 vào năm 1972 và được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

(3) Giai đoạn tái thiết và phát triển sau chiến tranh (1975–1990): Sau năm 1975, trường được giao nhiệm vụ xây dựng và cung cấp cán bộ cho nhiều trường đại học kỹ thuật khác trên cả nước. Từ năm 1976, Nhà trường bắt đầu đào tạo sau đại học và đến 1979 đào

tạo nghiên cứu sinh với 9 chuyên ngành. Trường được trao nhiều huân chương cao quý, khẳng định vị thế đầu tàu trong hệ thống giáo dục kỹ thuật.

(4) Giai đoạn đổi mới (1990–2005): Năm 1996, trường được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Đặc biệt, năm 2000, ĐHBK Hà Nội là đơn vị đại học đầu tiên được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên nhà trường cũng lần lượt được khen thưởng cấp quốc gia. Nhân dịp 45 năm thành lập trường (2001), trường vinh dự nhận Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ nhất.

(5) Giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ (2006–2015): Năm 2006, trường được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Từ 2007, triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ, mở rộng tự chủ và đổi mới mô hình đào tạo. Trường đi đầu cả nước trong thí điểm cơ chế tự chủ đại học (2010–2015), đạt chuẩn ISO 9001:2008, và lọt vào bảng xếp hạng Scimago về nghiên cứu khoa học.

(6) Giai đoạn hội nhập quốc tế (2016–2020): Nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập, Nhà trường đã vinh dự đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ hai. Trường luôn giữ vững vị trí trong nhóm dẫn đầu các trường đại học tại Việt Nam theo xếp hạng của SCImago, Webometrics và THE Impact Rankings. Nhiều nhóm ngành kỹ thuật lọt Top 401–550 thế giới (QS) đã bước đầu khẳng định vị thế quốc tế của Nhà trường. Dự án “Nâng cao chất lượng giáo dục đại học” (SAHEP) trị giá 50 triệu USD được công bố thực hiện vào năm 2019 với mục tiêu nâng cấp cơ sở vật chất, thúc đẩy chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng quản trị đại học giai đoạn 2021-2025.

(7) Giai đoạn chuyển đổi mô hình và phát triển đại học đa lĩnh vực (2021–nay): Năm 2021, trường thành lập các đơn vị đào tạo theo mô hình trường thuộc (Cơ khí, CNTT-TT, Điện - Điện tử). Đến năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định chuyển Trường ĐHBK Hà Nội thành ĐHBK Hà Nội. Năm 2023-2024, trường tiếp tục kiện toàn bộ máy, thành lập thêm các trường mới (Kinh tế, Hóa và Khoa học sự sống, Vật liệu) và đến nay đã hoàn thành tái cấu trúc, thành lập các viện nghiên cứu trực thuộc theo định hướng nghiên cứu liên ngành, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, gồm: Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; Viện Công nghệ và Kinh tế Số; Viện Nghiên cứu công nghệ Không gian và Dưới nước; Viện Khoa học và Công nghệ Sức khỏe; Viện Công nghệ Điều khiển và Tự động hóa; và Viện Công nghệ Năng lượng.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: GS.TS. Lê Anh Tuấn

Chức vụ: Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Đại học

Địa chỉ làm việc: Số 1 Đại Cồ Việt, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 0904.702.438

Địa chỉ thư điện tử: tuanh.leanh@hust.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

- Trường ĐHBK Hà Nội được thành lập theo Nghị định số 147/NĐ ngày 6/3/1956 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền ký.

- Ngày 02/12/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1512/QĐ-TTg về việc chuyển Trường ĐHBK Hà Nội thành ĐHBK Hà Nội.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng ĐHBK Hà Nội đã kết thúc hoạt động kể từ ngày 01/01/2026 theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025. Ngày 05/02/2026, đại diện Hội đồng Đại học gồm GS.TS. Lê Anh Tuấn, Chủ tịch Hội đồng Đại học nhiệm kỳ 2025-2030 và PGS.TS. Nguyễn Việt Dũng, Thư ký Hội đồng Đại học nhiệm kỳ 2025-2030 đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu cho PGS.TS. Huỳnh Quyết Thắng, Giám đốc ĐHBK Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2026. ĐHBK Hà Nội đã báo cáo Bộ GDĐT về kết quả tiếp nhận, bàn giao hồ sơ, tài liệu từ Hội đồng Đại học tại Báo cáo số 591/BC-ĐHBK ngày 16/03/2026.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định số 1288/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công nhận GS.TS. Lê Anh Tuấn giữ chức vụ Giám đốc ĐHBK Hà Nội.

- Quyết định số 1286/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công nhận PGS.TS. Huỳnh Quyết Thắng giữ chức vụ Phó Giám đốc ĐHBK Hà Nội.

- Quyết định số 1312/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công nhận PGS.TS. Nguyễn Phong Điền giữ chức vụ Phó Giám đốc ĐHBK Hà Nội.

- Quyết định số 1313/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công nhận PGS.TS. Huỳnh Đăng Chính giữ chức vụ Phó Giám đốc ĐHBK Hà Nội.

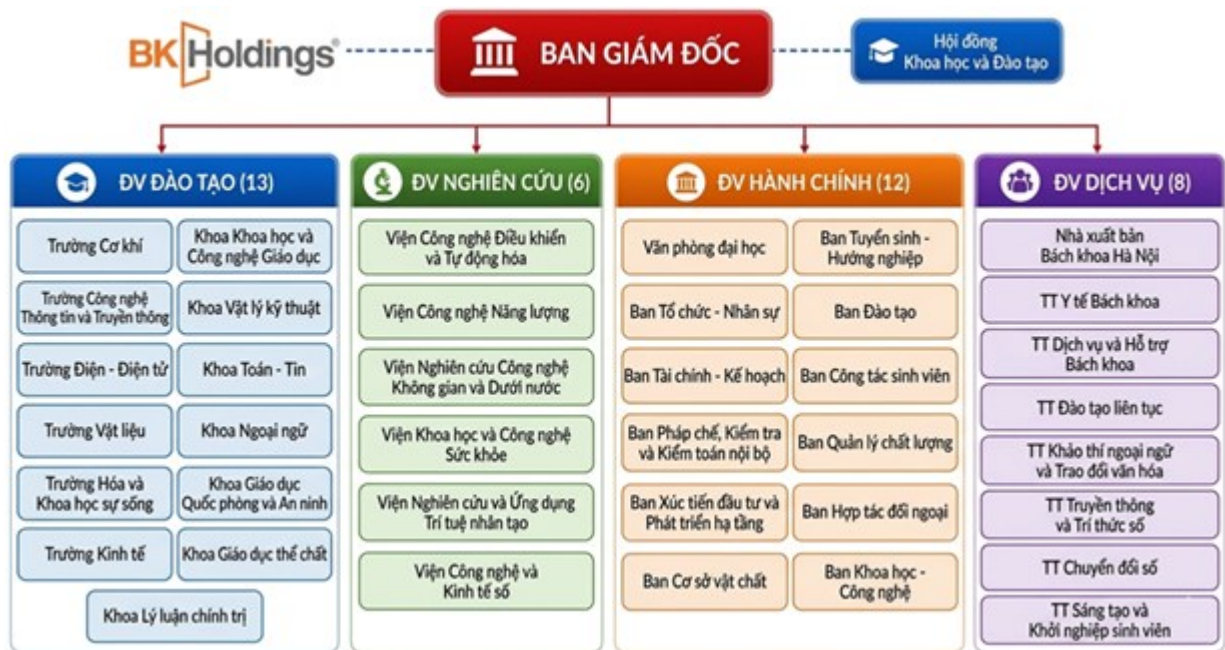
- Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công nhận PGS.TS. Trần Ngọc Khiêm giữ chức vụ Phó Giám đốc ĐHBK Hà Nội.

- Quyết định số 1315/QĐ-BGDĐT ngày 25/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công nhận GS.TS. Vũ Văn Yêm giữ chức vụ Phó Giám đốc ĐHBK Hà Nội.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Nghị quyết số 40/NQ-ĐHBK ngày 02/12/2024 của Hội đồng đại học về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của ĐHBK Hà Nội. Trong Quy chế có nêu rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHBK Hà Nội và của các đơn vị thuộc, trực thuộc.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của ĐHBK Hà Nội:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

- Nghị quyết số 45/NQ-ĐHKB ngày 08/10/2021 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc thành lập Trường Cơ khí.
- Nghị quyết số 46/NQ-ĐHKB ngày 08/10/2021 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc thành lập Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông.
- Nghị quyết số 48/NQ-ĐHKB ngày 08/10/2021 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc thành lập Trường Điện – Điện tử.
- Nghị quyết số 49/NQ-ĐHKB ngày 08/10/2021 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc sáp nhập Viện Tiên tiến Khoa học và Công nghệ vào Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu.
- Nghị quyết số 50/NQ-ĐHKB ngày 08/10/2021 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc tổ chức lại 07 đơn vị để thành lập các Trường Cơ khí, CNTT&TT và Điện – Điện tử.
- Nghị quyết số 31/NQ-ĐHKB ngày 29/3/2023 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc thành lập Trường Vật liệu.
- Nghị quyết số 32/NQ-ĐHKB ngày 29/3/2023 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc thành lập Trường Hóa và Khoa học Sự sống.
- Nghị quyết số 40/NQ-ĐHKB ngày 12/7/2023 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc thông qua chủ trương hợp nhất Trung tâm Quản lý Ký túc xá, Trung tâm Phục vụ Bách khoa và Phòng An ninh thành Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ.
- Nghị quyết số 44/NQ-ĐHKB ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc tổ chức lại các đơn vị dịch vụ và hỗ trợ.
- Nghị quyết số 45/NQ-ĐHKB ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc tổ chức lại các đơn vị hành chính của Đại học.
- Nghị quyết số 47/NQ-ĐHKB ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHKB Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ Bách khoa.

- Nghị quyết số 48/NQ-ĐHBK ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc chuyển Viện Đào tạo liên tục thành Trung tâm Đào tạo liên tục.
- Nghị quyết số 49/NQ-ĐHBK ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc tái cấu trúc và chuyển đổi mô hình tổ chức, hoạt động của Khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh.
- Nghị quyết số 50/NQ-ĐHBK ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Khoa Ngoại ngữ.
- Nghị quyết số 51/NQ-ĐHBK ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc chuyển đổi mô hình tổ chức và đổi tên Trung tâm Ngôn ngữ và Hỗ trợ trao đổi học thuật thành Trung tâm Khảo thí Ngoại ngữ và Trao đổi Văn hóa.
- Nghị quyết số 52/NQ-ĐHBK ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc tái cấu trúc và chuyển đổi mô hình tổ chức của Khoa Lý luận Chính trị.
- Nghị quyết số 53/NQ-ĐHBK ngày 08/8/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc tái cấu trúc và chuyển đổi mô hình tổ chức của Khoa Giáo dục Thể chất.
- Nghị quyết số 57/NQ-ĐHBK ngày 30/10/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Truyền thông và Tri thức số.
- Nghị quyết số 58/NQ-ĐHBK ngày 30/10/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Chuyển đổi số.
- Nghị quyết số 59/NQ-ĐHBK ngày 30/10/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Sáng tạo và Khởi nghiệp Sinh viên.
- Nghị quyết số 60/NQ-ĐHBK ngày 30/10/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Khoa Toán – Tin.
- Nghị quyết số 61/NQ-ĐHBK ngày 30/10/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Khoa Vật lý Kỹ thuật.
- Nghị quyết số 62/NQ-ĐHBK ngày 30/10/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Khoa Khoa học và Công nghệ Giáo dục.
- Nghị quyết số 66/NQ-ĐHBK ngày 14/11/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc giải thể Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông.
- Nghị quyết số 67/NQ-ĐHBK ngày 14/11/2023 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc giải thể Viện Cơ khí.
- Nghị quyết số 06/NQ-ĐHBK ngày 15/02/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc đổi tên và tái cơ cấu Viện Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa thành Viện Công nghệ Điều khiển và Tự động hóa.
- Nghị quyết số 07/NQ-ĐHBK ngày 15/02/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về Thông qua chủ trương chuyển Viện Khoa học và Công nghệ Quốc tế Việt Nam – Nhật Bản thành Trung tâm nghiên cứu thuộc Trường Cơ khí.
- Nghị quyết số 08/NQ-ĐHBK ngày 15/02/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc đổi tên và tái cơ cấu Viện Khoa học và Công nghệ Nhiệt lạnh thành Viện Công nghệ Năng lượng.

- Nghị quyết số 09/NQ-ĐHBK ngày 15/02/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Sức khỏe.
- Nghị quyết số 10/NQ-ĐHBK ngày 15/02/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc phê duyệt Đề án phát triển Viện Nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước.
- Nghị quyết số 18/NQ-ĐHBK ngày 19/5/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thông qua Đề án thành lập Trường Kinh tế.
- Nghị quyết số 19/NQ-ĐHBK ngày 19/5/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Trường Kinh tế.
- Nghị quyết số 23/NQ-ĐHBK ngày 06/6/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Viện Công nghệ và Kinh tế số.
- Nghị quyết số 24/NQ-ĐHBK ngày 06/6/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thành lập Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo.
- Nghị quyết số 25/NQ-ĐHBK ngày 06/6/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc chuyển Viện Khoa học và Công nghệ quốc tế Việt Nam - Nhật Bản thành Trung tâm nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quốc tế Việt Nam - Nhật Bản thuộc Trường Cơ khí.
- Nghị quyết số 31/NQ-ĐHBK ngày 20/8/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thông qua chủ trương giải thể Viện Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu.
- Nghị quyết số 13/NQ-ĐHBK ngày 29/4/2025 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc thông qua chủ trương giải thể các viện đào tạo và viện nghiên cứu sau khi tái cơ cấu, thành lập các trường thuộc ĐHBK Hà Nội.

e) Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Quyết định số 1595/QĐ-ĐHBK-TCCB ngày 30/06/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHBK Hà Nội về việc phê duyệt “Đề án thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc giai đoạn 2021-2025”.
- Quyết định số 4040/QĐ-ĐHBK ngày 22/05/2023 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc phê duyệt “Đề án tạo nguồn giảng viên ĐHBK Hà Nội giai đoạn 2023-2030”.
- Nghị quyết số 05/NQ-ĐHBK ngày 02/02/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy chế Dân chủ của ĐHBK Hà Nội.
- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHBK ngày 02/02/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của ĐHBK Hà Nội.
- Quyết định số 8704/QĐ-ĐHBK ngày 30/7/2025 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy định công tác văn thư, lưu trữ của ĐHBK Hà Nội.
- Nghị quyết số 41/NQ-ĐHBK ngày 06/12/2024 của Hội đồng ĐHBK Hà Nội về việc Phê duyệt Đề án Tự chủ ĐHBK Hà Nội giai đoạn 2024 – 2030.
- Quyết định số 5730/QĐ-ĐHBK ngày 05/6/2025 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của ĐHBK Hà Nội.
- Quyết định số 8460/QĐ-ĐHBK ngày 20/08/2024 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và quản lý đào tạo của ĐHBK Hà Nội.
- Quyết định số 9111/QĐ-ĐHBK ngày 10/09/2024 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy định về công tác cố vấn học tập và quản lý lớp sinh viên.

- Quyết định số 10461/QĐ-ĐHBK ngày 23/10/2024 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy chế thi Đánh giá tư duy (TSA) của ĐHBK Hà Nội.
- Quyết định số 11486/QĐ-ĐHBK ngày 27/11/2024 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh sau đại học của ĐHBK Hà Nội.
- Quyết định số 1606/QĐ-ĐHBK ngày 09/02/2026 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy chế Công tác cán bộ của ĐHBK Hà Nội.
- Quyết định số 1616/QĐ-ĐHBK ngày 10/02/2026 của Giám đốc ĐHBK Hà Nội về việc ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ của ĐHBK Hà Nội.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

STT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	39,51	38,25
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	97,87%	96,47%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ ¹	70,15%	76,19%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

STT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng (người)	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	1223	61	304	858	304	24
	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	23	2	3	18	6	0
	Kinh doanh và quản lý	83	13	27	43	12	0
	Toán và thống kê	75	7	10	58	17	0
	Kỹ thuật	910	35	155	720	267	24
	An ninh, quốc phòng	0	0	0	0	0	0
	Lĩnh vực khác	132	4	109	19	2	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	1197	60	303	834	286	20
	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	23	2	3	18	6	0
	Kinh doanh và quản lý	80	13	26	41	11	0
	Toán và thống kê	75	7	10	58	17	0
	Kỹ thuật	888	35	155	698	250	20
	An ninh, quốc phòng	0	0	0	0	0	0
	Lĩnh vực khác	131	3	109	19	2	0

¹ Không tính giảng viên biệt phái Khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

STT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	61	69
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	464	456
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	0,40	0,48

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

STT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Diện tích đất/người học (m2)	Từ 2030 mới tính	Từ 2030 mới tính
2	Diện tích sàn/người học (m2)	4,21	4,74
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	80,3%	84%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	2.507,55	1.286,47
5	Số bản sách/người học	264	117,6
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	10,6%	10,09%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	1040,8	409,1

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

STT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất ² (m2)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo (m2)
1	Trụ sở chính	Số 1 Đại Cồ Việt, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	263.856,9	244.369,3
Tổng cộng			263.856,9	244.369,3

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

STT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà	-	-
2	Nâng cấp tòa nhà (Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2025)		
2.1	Chống thấm mái nhà thư viện Tạ Quang Bửu	Thư viện Tạ Quang Bửu	6.800
2.2	Cải tạo, sửa chữa phòng làm việc Ban Đào tạo, Ban Tài chính - Kế hoạch, Ban Quản lý	Nhà C1	8.499

² Diện tích đất năm 2025 được rà soát, cập nhật theo tổng diện tích đất bao gồm diện tích trong chi giới đường đỏ được phép sử dụng; do đó có sự điều chỉnh tăng so với số liệu Báo cáo thường niên năm 2024.

STT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
	chất lượng, Văn phòng và khu vệ sinh tầng 1 thuộc Tòa nhà C1		
2.3	Cải tạo sửa chữa phòng làm việc Trường Kinh tế và toàn bộ mặt ngoài nhà C9	Nhà C9	14.994
2.4	Cải tạo, sửa chữa tòa nhà D3	Nhà D3	14.082
2.5	Cải tạo, sửa chữa tòa nhà D4	Nhà D4	14.000
2.6	Cải tạo, sửa chữa tòa nhà D3-5	Nhà D3-5	14.303
2.7	Cải tạo, sửa chữa phục vụ di chuyển phòng thực hành nhà D3 Khoa Vật lý kỹ thuật	Nhà D3	2.767
2.8	Cải tạo, sửa chữa phòng 207, 208 và thay khung, cửa phòng 506- nhà D3	Nhà D3	164
2.9	Sửa chữa phòng 307, 308, 309, 310 nhà C10	Nhà C10	80
2.10	Cải tạo sửa chữa phòng 320 Thư viện Tạ Quang Bửu	Thư viện Tạ Quang Bửu	984
2.11	Cải tạo sửa chữa một số hạng mục phục vụ thi tư duy và khảo thí	Thư viện Tạ Quang Bửu	6.932
2.12	Cải tạo sửa chữa văn phòng Hội Sinh viên	Đối diện B8 ký túc xá	297
2.13	Cải tạo sửa chữa vườn hoa phía sau Hội trường C2 phân giáp đường Giải Phóng thành Quảng trường phục vụ hoạt động tập thể	Sân C2	3.000
2.14	Cải tạo, nâng cấp nhà T – Trung tâm liên hợp thực hành công nghệ ”	Nhà T	14.996
2.15	Cải tạo sân bóng rổ và sân tập tay không phục vụ Giáo dục Thể chất tại sân vận động Bách khoa	Sân vận động Bách khoa	1.486
2.16	Cải tạo 12 phòng học Trường CNTT&TT nhà B1	Nhà B1	9.753
2.17	Cải tạo mở rộng hội trường B6b và nhà ăn, hàng rào khu giáo dục quốc phòng tại nhà B6 và B7	Nhà B6, B6b và B7 khu Ký túc xá	5.927
2.18	Cải tạo sửa chữa phòng học Giáo dục Thể chất- Khán đài B Sân vận động Bách khoa	Sân vận động Bách khoa	295
2.19	Phá dỡ nhà mái bằng cạnh nhà xe B6; xây mới và sửa chữa tường rào, sân khu vực liên kề	Nhà xe B6	184
2.20	Sửa chữa mái hiên nhà B5, B7; tường rào khu sân nhà B7; trần nhà B6b; cửa phòng vệ sinh chung - khu Ký túc xá	Khu KTX	97
2.21	Cải tạo, sửa chữa phục vụ di chuyển phòng thực hành tầng 3 nhà B1 và phòng thí nghiệm tầng 1 nhà C3 Trường Hóa và Khoa học sự sống	Nhà C3 và B1	3.499
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm		
3.1	Đầu tư phòng thí nghiệm Hệ thống nhúng thông minh và internet vạn vật (thuộc chương trình elitech)	C7-E408	2.305,662
3.2	Đầu tư phòng thí nghiệm phân tích cơ sở và thực hành môi trường	C10-305, C10B-403	2.391,995
3.3	Đầu tư phòng thí nghiệm Sợi vải	T-201	3.248,399
3.4	Đầu tư phòng thí nghiệm Đo đặc bức xạ hạt nhân	Nhà A	2.523,16
3.5	Đầu tư Phòng thí nghiệm kỹ thuật hàng không	C7-M414	2.462,395

STT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
3.6	Đầu tư các PTN đào tạo cơ sở cốt lõi ngành thực hiện năm 2024-2025	C7-216, C7-E316, C3-101-103, T-113, T-301, T-406, KT-202, KT-205	27.423,000
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm		
5	Hạ tầng kỹ thuật		
5.1	Đầu tư lắp đặt nguồn điện cho phòng Data Center và hạ tầng hào, ống, máng cáp quang trong khuôn viên ĐHBK Hà Nội	Tầng 9 TV TQB; khuôn viên đại học	9.462,420
Tổng cộng			172.956,031

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): High Council for the Evaluation of Research and Higher Education (HCERES)
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: HCERES
- Mức độ đạt kiểm định: Đạt yêu cầu của tiêu chuẩn và đã được cấp chứng nhận
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 đến ngày 10 tháng 4 năm 2029

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7520120	Kỹ thuật hàng không	Kỹ thuật hàng không	CTI	31/8/2028
2	7520216	Kỹ thuật ĐK&TĐH	Kỹ thuật ĐK&TĐH	CTI	31/8/2028
3	7520201	Kỹ thuật Điện	Kỹ thuật Điện	AUN-QA	02/5/2030
4	7520216	Kỹ thuật ĐK&TĐH	Kỹ thuật ĐK&TĐH	AUN-QA	02/5/2030
5	7520116	Kỹ thuật Cơ khí động lực	Kỹ thuật Cơ khí động lực	AUN-QA	02/5/2030
6	7520130	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	02/5/2030
7	7520120	Kỹ thuật hàng không	Kỹ thuật Hàng không	AUN-QA	23/10/2026
8	7520103	Kỹ thuật Cơ khí	Kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	23/10/2026
9	7540102	Kỹ thuật Thực phẩm	Kỹ thuật Thực phẩm	AUN-QA	23/10/2026
10	7440112	Hóa học	Hóa học	AUN-QA	23/10/2026
11	7520320	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	23/01/2027
12	7520137	Kỹ thuật In	Kỹ thuật In	AUN-QA	23/01/2027
13	7520312	Kỹ thuật Dệt	Kỹ thuật Dệt	AUN-QA	23/01/2027
14	7520401	Vật lý Kỹ thuật	Vật lý Kỹ thuật	AUN-QA	23/01/2027
15	7480201	Công nghệ thông tin	CNTT Việt Nhật (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	26/6/2027
16	7460117	Toán - Tin	Toán - Tin	AUN-QA	26/6/2027
17	7520115	Kỹ thuật Nhiệt	Kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	26/6/2027

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
18	7220201	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh chuyên nghiệp Quốc tế	AUN-QA	26/6/2027
19	7520309	Kỹ thuật Vật liệu	Kỹ thuật Vật liệu	AUN-QA	22/10/2027
20	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	22/10/2027
21	7520207	Kỹ thuật ĐT-VT	Kỹ thuật ĐT-VT	AUN-QA	22/10/2027
22	7520301	Kỹ thuật Hóa học	Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	22/10/2027
23	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	Kỹ thuật Cơ điện tử (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	30/9/2028
24	7520309	Kỹ thuật Vật liệu	KH&KT Vật liệu (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	30/9/2028
25	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	Kỹ thuật Cơ điện tử - hợp tác với ĐHCN Nagaoka (Nhật Bản)	ASIIN	30/9/2028
26	7520207	Kỹ thuật ĐT-VT	Kỹ thuật ĐT-VT (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	30/9/2028
27	7520207	Kỹ thuật ĐT-VT	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (CHLB Đức)	ASIIN	30/9/2028
28	7520216	Kỹ thuật ĐK&TĐH	Kỹ thuật ĐK&TĐH (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	30/9/2028
29	7480106	Kỹ thuật Máy tính	Kỹ thuật Máy tính	ASIIN	30/9/2028
30	7480101	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính	ASIIN	30/9/2028
31	7480201	Công nghệ thông tin	CNTT Global ICT (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	30/9/2028
32	7480101	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính (Chương trình tài năng)	ASIIN	30/9/2028
33	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	ASIIN	30/9/2028
34	7510604	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế công nghiệp	ASIIN	30/9/2028
35	7510601	Quản lý công nghiệp	Quản lý công nghiệp	ASIIN	30/9/2028
36	7340301	Kế toán	Kế toán	ASIIN	30/9/2028
37	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	ASIIN	30/9/2028
38	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin quản lý	ASIIN	30/9/2028
39	7520212	Kỹ thuật Y sinh	Kỹ thuật Y sinh (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	26/8/2028
40	7220201	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh KHKT&CN	AUN-QA	26/8/2028
41	8420201	Công nghệ Sinh học	Công nghệ Sinh học (Thạc sĩ khoa học)	AUN-QA	26/8/2028

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
42	8520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	Kỹ thuật Cơ điện tử (Thạc sĩ khoa học)	AUN-QA	26/8/2028
43	7540102	Kỹ thuật thực phẩm	Kỹ thuật thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	AQAS	30/9/2031
44	7520301	Kỹ thuật hóa học	Kỹ thuật hóa dược (Chương trình tiên tiến)	AQAS	30/9/2031
45	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	Kỹ thuật hạt nhân	AQAS	30/9/2031
46	7420202	Kỹ thuật Sinh học	Kỹ thuật Sinh học	AQAS	30/9/2031
47	7520130	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô	AQAS	31/5/2031
48	7520103	Kỹ thuật Cơ khí	Cơ khí - Chế tạo máy - hợp tác với ĐH Griffith (Úc)	AQAS	31/5/2031
49	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (CHLB Đức)	AQAS	31/5/2031
50	7460108	Khoa học dữ liệu	Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (Chương trình tiên tiến)	AQAS	31/5/2031
51	7140103	Công nghệ giáo dục	Công nghệ giáo dục	AQAS	31/5/2031
52	7340101	Quản trị kinh doanh	Phân tích kinh doanh (Chương trình tiên tiến)	AQAS	31/5/2031
53	8520216	Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển tự động hóa (Thạc sĩ khoa học)	AUN-QA	03/01/2031
54	8520212	Kỹ thuật Y sinh	Kỹ thuật Y sinh (Thạc sĩ khoa học)	AUN-QA	03/01/2031
55	7520207	Kỹ thuật ĐT-VT	Hệ thống nhúng thông minh và IoT (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	03/01/2031
56	7540204	Công nghệ dệt, may	Công nghệ Dệt May	AUN-QA	03/01/2031

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

STT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	97,2%	90,7%
2	Tỉ lệ tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	+35,4%	+13,5%
3	Tỉ lệ thôi học	4,37%	3,6%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	2,74%	3,8%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	83,8%	89,2%

STT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	41,4%	67,7%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	96,3%	81,9%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	98,8%	91,5%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	82,4%	78,8%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỉ lệ có việc làm và đi học tiếp
I	Đại học				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	550	188	35	94,1%
	Chính quy	550	188	35	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
2	Nhân văn	1435	391	205	97,1%
	Chính quy	1365	391	178	
	Vừa làm vừa học	70	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
3	Khoa học xã hội và hành vi	0	0	0	0%
	Chính quy	0	0	0	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
4	Kinh doanh và quản lý	2992	670	332	96%
	Chính quy	2401	521	327	
	Vừa làm vừa học	591	149	5	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
5	Khoa học sự sống	806	209	86	96,5%
	Chính quy	806	209	86	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
6	Khoa học tự nhiên	1230	446	83	92,3%
	Chính quy	1230	446	82	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
7	Toán và thống kê	1200	256	202	91,7%
	Chính quy	1200	256	201	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỉ lệ có việc làm và đi học tiếp
8	Máy tính và công nghệ thông tin	5794	1191	1109	93,7%
	Chính quy	5604	1084	1068	
	Vừa làm vừa học	190	107	41	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
9	Công nghệ kỹ thuật	1587	461	200	94,3%
	Chính quy	1587	461	197	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
10	Kỹ thuật	26545	6935	4267	95,4%
	Chính quy	25663	6175	4189	
	Vừa làm vừa học	882	760	78	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
11	Sản xuất và chế biến	2452	649	328	96,5%
	Chính quy	2452	649	328	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
12	Môi trường và bảo vệ môi trường	374	155	13	84,6%
	Chính quy	374	155	13	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	33	17	0	-
2	Nhân văn	0	0	0	-
3	Khoa học xã hội và hành vi	23	10	5	-
4	Kinh doanh và quản lý	62	29	9	-
5	Khoa học sự sống	55	27	14	-
6	Khoa học tự nhiên	145	69	25	-
7	Toán và thống kê	58	27	12	-
8	Máy tính và công nghệ thông tin	632	368	33	-
9	Công nghệ kỹ thuật	42	25	3	-
10	Kỹ thuật	1138	547	111	-
11	Sản xuất và chế biến	85	35	12	-

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỉ lệ có việc làm và đi học tiếp
12	Môi trường và bảo vệ môi trường	15	8	2	-
III	Tiến sĩ				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	22	9	0	-
2	Nhân văn	0	0	0	-
3	Khoa học xã hội và hành vi	9	4	0	-
4	Kinh doanh và quản lý	4	4	0	-
5	Khoa học sự sống	5	3	0	-
6	Khoa học tự nhiên	30	5	7	-
7	Toán và thống kê	18	7	0	-
8	Máy tính và công nghệ thông tin	34	9	6	-
9	Công nghệ kỹ thuật	3	3	1	-
10	Kỹ thuật	174	65	25	-
11	Sản xuất và chế biến	11	4	2	-
12	Môi trường và bảo vệ môi trường	0	0	0	-

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

STT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ trọng thu khoa học – công nghệ ³	8,3%	9,3%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	1,85	1,66
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	1,1	1,03

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

STT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm (triệu đồng)
1	Đề tài cấp Nhà nước	17	19.454
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	43	4.012,4
3	Đề tài cấp cơ sở	135	24.115
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	15	3.464
5	Đề tài hợp tác quốc tế	12	18.988,6
Tổng số		222	47.033

³ Tỉ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ trên tổng thu tính trung bình trong 3 năm gần nhất theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT về Chuẩn cơ sở giáo dục đại học và đã bao gồm nguồn thu để lại cho KHCN.

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

STT	Công trình công bố	Năm 2025	Năm 2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	886	643
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	1619	993
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	10	9
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	36	21
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	15	4

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

STT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	18,43%	15,23%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	26,67%	25,65%

2. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ số thống kê	Năm 2025	Năm 2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG⁴	1.841,5	1.502,68
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	0
II	Thu giáo dục và đào tạo	1.547,37	1.343,28
1	Học phí, lệ phí từ người học	1.497,4	1.277,75
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	7,36	22,31
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	2,96	11,48
4	Thu khác	39,65	31,74
III	Thu khoa học và công nghệ	145,98	101,10
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	69,76	62,43
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	76,22	38,5
3	Thu khác	0	0,17
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	148,15	58,3
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	1.512,15	1.284,20
I	Chi lương, thu nhập	876,27	609,21
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	799,21	544,11

⁴ Doanh thu không bao gồm doanh thu từ hệ thống doanh nghiệp. Nguồn thu dịch vụ chỉ tính thu nhập ròng theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT về Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

STT	Chỉ số thống kê	Năm 2025	Năm 2024
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	77,06	65,1
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	568,18	595,61
1	Chi cho đào tạo	387,92	331,09
2	Chi cho nghiên cứu	99,31	116,54
3	Chi cho phát triển đội ngũ	16,01	85,21
4	Chi phí chung và chi khác	64,94	62,77
III	Chi hỗ trợ người học	67,7	77,57
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	63,14	49,27
2	Chi hoạt động nghiên cứu	1,53	4,13
3	Chi hoạt động khác	3,03	24,17
IV	Chi khác	0	1,81
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	329,35	218,48

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm 2025 là năm bản lề trong tiến trình phát triển của ĐHBK Hà Nội đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn hoàn thiện mô hình đại học sau tái cấu trúc và bước đầu triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong Chiến lược phát triển 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2045 của ĐHBK Hà Nội. Trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Nhà trường tiếp tục khẳng định vai trò là cơ sở giáo dục đại học kỹ thuật – công nghệ hàng đầu, tiên phong trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ phát triển quốc gia. Trong năm 2025, ĐHBK Hà Nội tiếp tục triển khai 07 nhóm nhiệm vụ trọng tâm về hoàn thiện quản trị đại học, phát triển đội ngũ, chuyển đổi số, đổi mới đào tạo, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, mở rộng hợp tác quốc tế và hiện đại hóa cơ sở vật chất. Nhiều kết quả quan trọng đã được ghi nhận, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển mới theo định hướng đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ, hiện đại và hội nhập quốc tế.

Bước sang năm 2026, công tác kiện toàn lãnh đạo Đại học được triển khai theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của tổ chức đảng, nhất là vai trò người đứng đầu cấp ủy trong các cơ sở giáo dục đồng thời thực hiện bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục. Căn cứ Kế hoạch số 1266/KH-ĐHBK ngày 15/5/2026 của Tập thể Lãnh đạo ĐHBK Hà Nội về việc thực hiện quy trình kiện toàn, bổ nhiệm Giám đốc ĐHBK Hà Nội, Nhà trường đã triển khai quy trình kiện toàn nhân sự lãnh đạo theo đúng quy định, bảo đảm nguyên tắc ổn định, kế thừa và phát triển. Ngày 22/5/2026, Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định số 1288/QĐ-BGDĐT bổ nhiệm GS.TS.NGUỠT. Lê Anh Tuấn, Bí thư Đảng ủy Đại học giữ chức Giám đốc ĐHBK Hà Nội nhiệm kỳ 2026–2030 hoàn thành thực hiện mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu cơ sở giáo dục. Đây là dấu mốc quan trọng nhằm bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành đồng thời tiếp tục phát huy tính chủ động, sáng tạo,

tư duy mới của Ban Giám đốc Đại học trong bối cảnh các cơ sở giáo dục đại học đang triển khai quyết liệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Báo cáo thường niên năm 2025 tổng hợp những kết quả nổi bật trong năm 2025 của ĐHBK Hà Nội đồng thời nhìn nhận các tồn tại, thách thức và định hướng phát triển trong thời gian tới. Trên nền tảng truyền thống gần 70 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường tiếp tục hướng tới mục tiêu nâng cao vị thế trong khu vực đóng góp thiết thực cho sự phát triển của Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng và đất nước. Năm 2025, toàn bộ hệ thống chính trị cùng đội ngũ cán bộ, viên chức và giảng viên của Đại học đã tập trung triển khai và cơ bản hoàn thành 07 nhiệm vụ trọng tâm đã được đề ra tại Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức năm 2024, bao gồm:

1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cho giai đoạn phát triển mới

Năm 2025, ĐHBK Hà Nội tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị đại học theo hướng hiện đại, tinh gọn dựa trên nền tảng số và dữ liệu. Đại học đã xây dựng Đề án thành lập Phân hiệu ĐHBK Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên và được Bộ GDĐT phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2371/QĐ-BGDĐT ngày 21/8/2025 giúp mở rộng không gian phát triển cho đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong giai đoạn mới. Đề án Vị trí việc làm giai đoạn 2024–2030 được phê duyệt trở thành căn cứ quan trọng để quy hoạch, sắp xếp và sử dụng đội ngũ theo danh mục, tiêu chuẩn vị trí việc làm và phù hợp với mô hình đại học đa ngành đa lĩnh vực.

Công tác phát triển đội ngũ và thu hút nhân tài tiếp tục được xác định là nhiệm vụ then chốt. Trong năm 2025, Đại học đã tuyển dụng được 50 cán bộ, gồm 30 giảng viên, 03 cán bộ kỹ thuật và 17 cán bộ hành chính. Trong số giảng viên mới tuyển có 01 Phó Giáo sư, 22 Tiến sĩ; đồng thời tiếp nhận thêm 03 Tiến sĩ chuyển công tác từ các đơn vị khác về Đại học. Trên cơ sở tổng kết Đề án thu hút giảng viên xuất sắc giai đoạn 2021–2025, Đại học đã xây dựng và triển khai Đề án HUST-Talent giai đoạn 2025–2030 nhằm thu hút giảng viên trẻ tài năng, chuyên gia xuất sắc và các nhà khoa học đầu ngành. Trong năm 2025, Đại học đã xét tuyển 07 cán bộ theo Đề án, trong đó có 05 cán bộ đã ký hợp đồng và 02 cán bộ đang hoàn tất thủ tục. Đề án tạo nguồn giảng viên giai đoạn 2023–2030 cũng được đẩy mạnh, với 40 giảng viên trẻ được bổ sung, góp phần hình thành đội ngũ kế cận cho Đại học. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ năm 2025 đạt 66,96%, giảm so với mức 76,19% của năm 2024. Mức giảm này chủ yếu mang tính cơ cấu do số lượng giảng viên tạo nguồn được tuyển mới tăng mạnh trong năm, trong đó nhiều cán bộ trẻ đang trong quá trình đào tạo, hoàn thiện trình độ tiến sĩ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tiếp tục được đẩy mạnh nhằm nâng cao năng lực quản trị, ngoại ngữ, kỹ năng số và năng lực hội nhập quốc tế. Đại học triển khai bồi dưỡng tiếng Anh cho 180 cán bộ khối hành chính và kỹ thuật theo hướng kết hợp tự học và ứng dụng phần mềm và AI đồng thời tổ chức 12 khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuẩn chức danh nghề nghiệp, lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh... với gần 800 lượt cán bộ tham gia. Công tác truyền thông nội bộ cũng được đổi mới thông qua Bản tin Quý, Bản tin văn bản

pháp luật, mạng lưới truyền thông nội bộ và việc ban hành Quy định Truyền thông và Quản lý thương hiệu, góp phần tăng tính minh bạch, đồng thuận và phối hợp trong toàn Đại học.

Công tác xếp hạng quốc tế tiếp tục có bước chuyển biến rõ nét. ĐHBK Hà Nội tăng 73 bậc trên QS Asia Rankings 2026, từ vị trí 388 lên 315; đồng thời tăng từ nhóm 1201–1400 lên nhóm 1001–1200 trên QS World University Rankings 2027, với điểm tổng thể là 14,4. Trên bảng xếp hạng QS World University Rankings by Subject 2026, Đại học có 06 ngành được xếp hạng, tăng 01 ngành so với năm 2025. Lĩnh vực Kỹ thuật – Công nghệ xếp nhóm 501–550; Kỹ thuật Điện – Điện tử xếp nhóm 351–400; Kỹ thuật Cơ khí – Chế tạo và Hàng không xếp nhóm 401–450; Khoa học Vật liệu xếp nhóm 401–550; Toán học và Khoa học Máy tính lần lượt thuộc nhóm 501–600 và 551–600; và nhóm ngành Vật lý – Thiên văn lần đầu được xếp hạng ở nhóm 601–675.

2. Chuyển đổi số toàn diện trong quản trị, tổ chức và đào tạo

Năm 2025, ĐHBK Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, coi đây là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị, đổi mới đào tạo và cải thiện chất lượng phục vụ người học, giảng viên. Hệ thống quản trị đại học eHUST và hệ thống quản lý văn bản điều hành BKOffice tiếp tục được vận hành ổn định, hỗ trợ số hóa các nghiệp vụ hành chính, đào tạo và điều hành. Các thủ tục thiết yếu như đăng ký học phần, xét cấp học bổng, xử lý đơn từ, xác nhận sinh viên... được triển khai trên nền tảng số, góp phần giảm tải công việc thủ công, tăng tính minh bạch và nâng cao trải nghiệm của người học.

Trong lĩnh vực đào tạo, Nhà trường tiếp tục thúc đẩy phát triển học liệu số và giảng dạy theo hình thức Blended Learning (B-Learning). Năm học 2024–2025, Đại học xây dựng mới 22 học phần B-Learning, tăng 100% so với năm học trước nâng tổng số học phần đủ điều kiện giảng dạy B-Learning lên 124 học phần, tăng 22 học phần. Số lớp học B-Learning đạt 809 lớp, tăng 39%; số lượt sinh viên tham gia đạt 59.114 lượt, tăng khoảng 44% so với năm học 2023–2024. Bên cạnh đó, Nhà trường hoàn thành 13 khóa E-Learning dùng chung cấp quốc gia theo đặt hàng của Bộ GDĐT với 679 video bài giảng được thẩm định, bàn giao và đưa lên hệ thống MOOCs của Bộ.

Công tác xây dựng và cập nhật học liệu số trên nền tảng eHUST tiếp tục được chú trọng. Trong tổng số 2.936 học phần có lớp giảng dạy, 2.229 học phần đã có tóm tắt, 2.134 học phần có mô tả, 2.167 học phần có đề cương chi tiết, 1.003 học phần có giáo trình và 1.295 học phần có bài giảng. Các kết quả này cho thấy quá trình số hóa học liệu đã có chuyển biến tích cực, góp phần đáp ứng các yêu cầu về học liệu số theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

Về hạ tầng công nghệ thông tin, Đại học tiếp tục nâng cấp hệ thống điện toán đám mây trên nền tảng hạ tầng siêu hội tụ, Trung tâm dữ liệu, hệ thống máy chủ, mạng truyền dẫn, cáp quang và Wi-Fi, nhằm bảo đảm khả năng vận hành ổn định, an toàn và bảo mật cho các dịch vụ số dùng chung. Đồng thời, Đại học đã ban hành Quy chế Bảo đảm an toàn thông tin và Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống thông tin và dữ liệu, tạo nền tảng pháp lý cho việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn hệ thống và triển khai chuyển đổi số bền vững.

3. Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng đào tạo và thành công của người học

Năm 2025, ĐHBK Hà Nội tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo (CTĐT) theo hướng tiệm cận chuẩn mực quốc tế, gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Công tác kiểm định chất lượng được triển khai đồng bộ ở cả cấp cơ sở giáo dục và CTĐT; Đại học tiếp tục thực hiện kiểm định theo tiêu chuẩn QAA và hoàn thành kiểm định, được cấp giấy chứng nhận cho 14 CTĐT theo các bộ tiêu chuẩn AQAS và AUN-QA.

Các CTĐT kỹ sư chuyên sâu (KSCS) tiếp tục được mở rộng với các ngành mới như Kỹ thuật Ô tô số và Thiết kế vi mạch. Năm 2025, gần 800 học viên tham gia khóa KSCS đầu tiên, trong đó 100 học viên tốt nghiệp sớm; tổng tuyển sinh mới đạt hơn 1.400 học viên, nâng quy mô đào tạo KSCS lên trên 2.000 học viên. Công tác quản lý đào tạo và bảo đảm chất lượng tiếp tục được hoàn thiện theo hướng dựa trên dữ liệu, tăng cường các công cụ khảo sát, đánh giá và cải tiến chất lượng.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sinh viên tiếp tục phát triển mạnh. Năm 2025 có 512 đề tài tham gia Cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học, 16 giải thưởng cấp Bộ, 112 sản phẩm tham gia Cuộc thi Sáng tạo trẻ và 670 công bố khoa học có sự tham gia của người học. Các chương trình Venture X, Venture Day và Ngày hội Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo Thủ đô đã thu hút hàng chục dự án sinh viên, quỹ đầu tư và doanh nghiệp tham gia qua đó hỗ trợ hình thành 04 doanh nghiệp khởi nghiệp xuất phát từ các dự án sinh viên.

4. Đảm bảo công tác tuyển sinh đại học đúng quy định và đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng tuyển sinh sau đại học

Năm 2025, ĐHBK Hà Nội hoàn thành công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định và phù hợp với chiến lược phát triển Đại học. Các văn bản, quy chế, đề án và kế hoạch tuyển sinh được ban hành đầy đủ; công tác lọc ảo, xét tuyển và nhập học được thực hiện đúng tiến độ của Bộ GDĐT. Kết quả tuyển sinh đạt và vượt kỳ vọng cho toàn bộ 65 CTĐT với 10.491 sinh viên chính quy nhập học. Kỳ thi Đánh giá tư duy tiếp tục được cải tiến theo hướng chuyên nghiệp, an toàn và hiệu quả. Năm 2025, Đại học tổ chức 03 đợt thi với 09 dịp thi, phục vụ hơn 28.000 thí sinh và trên 56.000 lượt dự thi tại 31 điểm thi trên cả nước. Trong cơ cấu sinh viên nhập học, phương thức xét tuyển tài năng chiếm 17,5%, Đánh giá tư duy chiếm 36,9% và điểm thi tốt nghiệp THPT chiếm 45,6%. Công tác xét tuyển tài năng thu hút hơn 5.000 thí sinh đăng ký, trong đó số đăng ký diện 1.1 và 1.2 tăng gần gấp đôi so với năm 2024.

Tuyển sinh sau đại học có bước tăng trưởng mạnh so với năm 2024. Cụ thể, Nhà trường đã xét và công bố trúng tuyển 2.634 học viên sau đại học gồm 1.255 học viên cao học và 1.379 học viên KSCS, tăng gần 400% so với năm 2024; đồng thời tuyển sinh mới 113 NCS tăng gần 70%.

5. Tăng cường phát triển các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Năm 2025, ĐHBK Hà Nội tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa tri thức trong các lĩnh vực công nghệ then chốt. Đại học đã quy hoạch

và quyết định thành lập 27 phòng thí nghiệm nghiên cứu tại các trường, viện, từng bước hình thành hệ thống hạ tầng nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành.

Hoạt động khoa học công nghệ được triển khai với 222 đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, gồm 17 đề tài cấp Nhà nước, 43 đề tài cấp bộ, tỉnh, 135 đề tài cấp cơ sở, 15 đề tài hợp tác doanh nghiệp trong nước và 12 đề tài hợp tác quốc tế. Tổng kinh phí thực hiện trong năm đạt khoảng 70 tỷ đồng, trong đó đề tài cấp Nhà nước đạt 19,45 tỷ đồng, cấp bộ và tỉnh hơn 4 tỷ đồng, cấp cơ sở 24,12 tỷ đồng, hợp tác doanh nghiệp 3,46 tỷ đồng và hợp tác quốc tế gần 19 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chương trình nghiên cứu Edge AI được phê duyệt với 23 nhiệm vụ với tổng kinh phí 19,5 tỷ đồng góp phần tập trung nguồn lực cho công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và các sản phẩm có tiềm năng ứng dụng, thương mại hóa.

Kết quả công bố khoa học toàn đại học tiếp tục tăng về quy mô và chất lượng. Năm 2025, Đại học có 2.490 công bố khoa học trong đó 1.619 bài thuộc hệ WoS/Scopus tăng 147 bài so với năm 2024; riêng công bố WoS đạt 1.055 bài. Số công bố bình quân đạt 1,85 bài/giảng viên tăng từ 1,66 bài; số công bố WoS/Scopus bình quân đạt 1,1 bài/giảng viên, tăng từ 1,03 bài so với năm 2024. Tổng số trích dẫn trong ba năm gần nhất theo SciVal đạt 15.947 lượt, tăng 44,75% trong đó có 868 bài báo có sự tham gia của người học, thể hiện sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu.

Công tác sở hữu trí tuệ ghi nhận 71 đơn đăng ký được chấp nhận, 36 bằng độc quyền sáng chế và 15 bằng độc quyền giải pháp hữu ích được cấp đều tăng mạnh so với năm 2024. Đại học đồng thời mở rộng hợp tác khoa học công nghệ với Thành phố Hà Nội, tỉnh Điện Biên và tỉnh Bắc Ninh góp phần đưa kết quả nghiên cứu vào giải quyết các bài toán thực tiễn của địa phương.

Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tiếp tục được mở rộng với 19 câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu khoa học với hơn 500 đề tài mỗi năm và gần 1.500 sinh viên tham gia. Các cuộc thi Sáng tạo trẻ, Sáng tạo xanh, SV Startup cùng các chương trình Venture X, Venture Day đã hỗ trợ phát triển ý tưởng, kết nối đầu tư và hình thành 04 doanh nghiệp khởi nghiệp từ các dự án sinh viên.

6. Tăng cường hợp tác liên kết mạng lưới đại học/viện nghiên cứu và đẩy mạnh quốc tế hóa

Năm 2025, ĐHBK tiếp tục mở rộng mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế, gắn quốc tế hóa với đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và nâng cao vị thế học thuật. Trong mạng lưới các trường kỹ thuật, Đại học tham gia 01 dự án Open Science, đồng thời phối hợp mở rộng Câu lạc bộ các trường đại học kỹ thuật lên G32 với việc kết nạp thêm 03 trường thành viên. Mạng lưới đối tác tiếp tục được củng cố và phát triển. Năm 2025, Đại học có 117 cơ sở đào tạo, nghiên cứu quốc tế là đối tác thân thiết, tăng 9,5%; 164 doanh nghiệp trong và ngoài nước là đối tác thân thiết, tăng 12%; và 582 học giả quốc tế uy tín trong mạng lưới hợp tác, tăng 10,2%. Tổng kinh phí tài trợ, hợp tác khai thác được đạt 86,707 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2024; trong đó kinh phí cho học bổng trao đổi cán bộ, sinh viên đạt 7,266 tỷ đồng, tăng 16%.

Các hoạt động trao đổi quốc tế được duy trì và mở rộng. Trong năm 2025, Đại học đã triển khai hơn 50 chương trình trao đổi sinh viên quốc tế. Đã có 174 sinh viên đi học tập, trao đổi ở nước ngoài, tăng 14%; 645 sinh viên quốc tế đến trải nghiệm, giao lưu, học tập và nghiên cứu tại Đại học, tăng 1,5%; 355 cán bộ, nhà khoa học tham gia trao đổi học thuật ở nước ngoài, tăng 20% và 92 giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia quốc tế đến làm việc, giảng dạy, báo cáo chuyên đề tại Đại học, tăng 3,4 %.

Công tác hội nhập quốc tế trong quản trị và môi trường học tập cũng được đẩy mạnh thông qua việc sử dụng tiếng Anh trong các công cụ, quy trình, văn bản hành chính và truyền thông đối ngoại. Hệ thống eHUST được triển khai song ngữ Việt – Anh, hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên, giảng viên và chuyên gia quốc tế. Nhìn chung, các nhiệm vụ triển khai quốc tế hóa năm 2025 đã có bước phát triển tích cực, góp phần nâng cao hình ảnh, năng lực hợp tác và mức độ hội nhập của ĐHBK Hà Nội trong giáo dục đại học toàn cầu.

7. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất

Năm 2025, ĐHBK Hà Nội tiếp tục huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư nhằm nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng học tập, nghiên cứu và không gian làm việc. Toàn Đại học hiện có 276 phòng học với tổng diện tích 27.410 m², 406 phòng thí nghiệm đào tạo và xưởng thực hành, 112 phòng thí nghiệm nghiên cứu và 6.972 máy tính phục vụ đào tạo, nghiên cứu và quản trị.

Các dự án trọng điểm được triển khai quyết liệt, gắn với yêu cầu nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu và phục vụ kỷ niệm 70 năm thành lập ĐHBK Hà Nội. Trong đó, Đại học hoàn thiện đầu tư phòng thí nghiệm về khoa học sự sống và bảo tồn nguồn gen; triển khai dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị đầu tư tòa nhà dịch vụ ký túc xá theo phương thức đối tác công – tư với sự tài trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á; hoàn thành quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu ĐHBK Hà Nội tại Hưng Yên và tiếp tục các công tác chuẩn bị đầu tư cho phát triển Phân hiệu ĐHBK Hà Nội tại Hưng Yên cũng như các dự án đầu tư cho các PTN theo Nghị quyết số 57-NQ/TW. Nhà trường thường xuyên chú trọng cải tạo cảnh quan khuôn viên, phát triển không gian xanh, khu học tập ngoài trời và các khu vực sinh hoạt chung. Công tác phát triển thư viện và tài nguyên số tiếp tục được đẩy mạnh với 05 CSDL điện tử quốc tế, khoảng 26,5 nghìn tài liệu số và hơn 157 nghìn đầu sách điện tử có thể truy cập trực tuyến cùng gần 40 nghìn đầu sách in với trên 200 nghìn bản sách. Do đó, các chỉ số phục vụ người học được cải thiện rõ rệt đạt bình quân khoảng 2.500 đầu sách/ngành đào tạo và số bản sách bình quân trên người học đạt khoảng 264 bản.

Những kết quả trên góp phần từng bước hiện đại hóa hạ tầng đào tạo, nghiên cứu và phục vụ người học; đồng thời tạo diện mạo mới cho khuôn viên Đại học theo hướng xanh, hiện đại, thân thiện, xứng tầm với truyền thống 70 năm xây dựng và phát triển của ĐHBK Hà Nội.

VIII. KẾT LUẬN

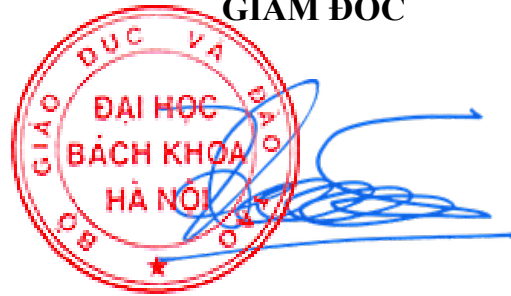
Năm 2025, ĐHBK Hà Nội đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm và đạt nhiều kết quả tích cực trong công tác quản trị đại học, phát triển đội ngũ, chuyển đổi số, đào tạo, tuyển sinh, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, hợp tác quốc tế và đầu tư cơ sở vật

chất. Những kết quả này tiếp tục khẳng định vị thế của Đại học là cơ sở giáo dục đại học kỹ thuật – công nghệ hàng đầu của đất nước, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển mới. Bước sang năm 2026, năm kỷ niệm 70 năm thành lập ĐHBK Hà Nội (15/6/1956-15/10/2026), Tập thể lãnh đạo đại học tiếp tục phát huy truyền thống, bản lĩnh và tinh thần đổi mới để triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2045. Với quyết tâm xây dựng đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ, hiện đại và hội nhập quốc tế, ĐHBK Hà Nội sẽ tiếp tục đóng góp thiết thực cho sự phát triển của Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng và đất nước./. 

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Lê Anh Tuấn

